

Số: 03 /BC-LCASP06

BAN QUẢN LÝ CÁC DẤU  
DỰ ÁN LCASPĐẾN Số: 167  
Ngày: 14/04/2016

Lào Cai, ngày 06 tháng 04 năm 2016

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUÝ I VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI DỰ ÁN  
HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP QUÝ II TỈNH LÀO CAI**

Kính gửi: BQL Trung ương Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp.

Thực hiện chỉ đạo của Nhà tài trợ ADB và Ban quản lý Trung ương Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp, Ban quản lý dự án (Ban QLDA) tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả thực hiện quý I và kế hoạch triển khai dự án quý II năm 2016 như sau:

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐÃ TRIỂN KHAI QUÝ I**

**Hợp phần 1 : Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi**

***Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển Cơ chế phát triển sạch (CDM)***

- Tổ chức 02 lớp tập huấn vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo môi trường chăn nuôi tại huyện Bảo Yên và Văn Bàn, với 65 người tham dự (trong đó có 10 nữ chiếm 15,38%, 39 người là DTTS chiếm 60%).

***Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học***

- Đến hết quý I năm 2016, toàn tỉnh đã lắp đặt được 1.417 công trình khí sinh học, đạt 52,48% kế hoạch (kế hoạch: 2.700 công trình). Riêng năm 2016, xây dựng được 121 công trình bao gồm 07 công trình KT1 và 114 công trình CPS.

- Đã giải ngân hỗ trợ 1.104 công trình (Riêng năm 2016 đã hỗ trợ được 204 công trình). Ban QLDA đang đôn đốc KTV các huyện khẩn trương nghiệm thu công trình KSH, hoàn thiện hồ sơ cho các hộ đã xây dựng/lắp đặt để giải ngân vào cuối tháng 4/2016 đảm bảo yêu cầu của dự án.

**Hợp phần 2. Tín dụng chuỗi giá trị khí sinh học.**

- Phối hợp với tư vấn tài chính tín dụng của dự án đi khảo sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện hợp phần tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học tại 02 huyện Bảo Thắng, và Bát Xát.

- Đã có 144 hộ dân của 21 xã trên địa bàn 4 huyện: Mường Khương, Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn được vay vốn để xây dựng, lắp đặt bể KSH, mua sắm thiết bị KSH, hoàn thiện gói môi trường... từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai. Tổng số vốn đã cho vay: 2.679.000.000VNĐ. Riêng quý I/2016 đã giải ngân vốn vay được: 528.000.000 VNĐ cho 17 hộ dân tham gia dự án.

### **Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp**

#### ***Tiểu hợp phần 3.1. Thực đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon thấp***

- Đã tổ chức 01 chuyến tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công trình khí sinh học và quản lý chất thải chăn nuôi tại 2 tỉnh Hà Tĩnh và Bình Định, với 15 người tham gia trong đó có 06 người là nữ, chiếm 40%.

#### ***Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp***

- Phối hợp với tư vấn dự án khảo sát địa bàn, lựa chọn được 03 mô hình thí điểm và 04 chủ đề nghiên cứu phù hợp của tỉnh Lào Cai trình BQLDA Trung ương và trình nhà tài trợ ADB xem xét, phê duyệt.

### **Hợp phần 4: Chi quản lý dự án**

- Chi lương và phụ cấp cho Ban QLDA tỉnh: chưa thực hiện hoạt động chi;

- Chi phí hoạt động cho Ban QLDA tỉnh: **176.803.596 đồng**

(Một trăm bảy sáu triệu, tám trăm linh ba nghìn, năm trăm chín sáu đồng)./.  
Nội dung: Chi công tác phí cho cán bộ và chi tiếp khách.

## **II. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN:**

Tổng số: 330.782.996 đồng

Trong đó ADB: 330.782.996 đồng, CPVN: 0 đồng.

## **III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUÝ II**

### **1.Hợp phần I: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi**

#### ***Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển***

**Cơ chế phát triển sạch (CDM), dự kiến triển khai các hoạt động:**

- Tổ chức 07 lớp tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và các bên liên quan khác về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi.

- Tổ chức 20 cuộc hội thảo truyền thông cấp xã về quản lý chất thải chăn nuôi cho 1.200 người tham dự tại xã, thôn, bản của các huyện/ thành phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng 7.500 tờ áp phích tuyên truyền, 1.140 mũ truyền thông, 80 bảng tin về chuỗi giá trị khí sinh học và quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi.

- Tổ chức tập huấn cho nông dân về quản lý chất thải chăn nuôi an toàn và vận hành công trình khí sinh học. Theo tiến độ xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học và số lượng các hộ đăng ký tham gia dự án.

### ***Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học***

- Tập trung lắp đặt các công trình KSH các hộ dân đã có đơn đăng ký xây dựng/lắp đặt. Đôn đốc các huyện, thành phố thực hiện việc triển khai kế hoạch và vận động nhân dân tham gia dự án để hoàn thành 180 công trình KSH.

- Nghiệm thu và hỗ trợ kinh phí: Thực hiện việc giải ngân kịp thời khi các hộ đã xây dựng/ lắp đặt xong, công trình KSH hoạt động tốt và hoàn thiện hồ sơ theo đúng yêu cầu của dự án;

- Tổng hợp số liệu thường xuyên kiểm tra, nắm bắt thông tin kịp thời để tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện dự án.

## **2. Hợp phần 2. Tín dụng chuỗi giá trị khí sinh học**

Tiếp tục phối hợp tốt với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai và hệ thống ngân hàng Nông nghiệp và PTNT cấp huyện giải ngân nguồn vốn vay xây dựng hầm KSH.

### **3. Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp**

#### ***Tiểu hợp phần 3.1. Thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon thấp***

- Tổ chức tuyên truyền trên sóng Phát thanh, truyền hình tỉnh Lào Cai  
- Xây dựng và phát hành 10.000 tờ rơi về dự án và quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi.

#### ***Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp***

Sau khi được BQLDA Trung ương và ADB thống nhất thông qua đề cương xây dựng mô hình nông nghiệp các bon thấp. BQLDA tỉnh Lào Cai sẽ tiến hành triển khai thực hiện các mô hình tại địa phương.

### **3. Kế hoạch vốn đối ứng của tỉnh, dự kiến giải ngân năm**

Dự kiến giải ngân năm 2016: 572.589.444 đồng. Trong đó:

- Chi phí thường xuyên: Lương, phụ cấp cho cán bộ BQLDA và các khoản phải nộp khác: 572.589.444 đồng

## **IV. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, KIẾN NGHỊ**

### **4.1. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của BQLDA Trung ương, UBND tỉnh Lào Cai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong định hướng các nội dung, hoạt động trọng tâm của dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp năm 2016.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT; Ngân hàng Chính sách-Xã hội; Hội Nông dân; Hội Phụ nữ; Chi cục Chăn nuôi và Thú y và một số phòng Kinh tế/Nông nghiệp các huyện/Thành phố trong việc triển khai thực hiện dự án.

- Một số công ty cung ứng lắp đặt bể biogas như Thành Đạt, Hưng Việt,...đã quan tâm và xin tham gia dự án trên địa bàn, như vậy sẽ giúp PPMU Lào Cai có thể hoàn thành kế hoạch đề ra.

### **4.2. Khó khăn:**

- Một số hộ dân ở tỉnh Lào Cai đã có nhu cầu xây dựng hầm khí sinh học quy mô vừa (hầm xây từ 50m<sup>3</sup> trở lên). Tuy nhiên, việc đăng ký hồ sơ năng lực để BQLDA Trung ương đánh giá còn khó khăn với một số thợ xây ở Lào Cai (do chưa đáp ứng đủ tiêu chí) nên đến nay tỉnh vẫn chưa có đội thợ xây hay doanh nghiệp nào đăng ký.

- Vẫn đề hỗ trợ vay vốn cho các hộ chăn nuôi để xây dựng công trình khí sinh học, hiện nay một số chi nhánh của ngân hàng Nông nghiệp và PTNT ở các địa phương triển khai còn chậm; quy định vay buộc người vay phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tín chấp với một khoản vay không lớn nên khó tiếp cận được vốn vay.

### **4.3. Kiến nghị:**

- Đề nghị BQLDA Trung ương
- + Phối hợp các định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT) tìm giải pháp phù hợp nhằm đẩy nhanh thực hiện Hợp phần 2.

+ Đề nghị BQLDA Trung ương và ADB sớm lựa chọn và triển khai các hoạt động hỗ trợ như hội nghị, hội thảo, tập huấn hướng dẫn để sớm đẩy nhanh tiến độ thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp các bon tháp.

- Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai quan tâm, tạo điều kiện cấp đủ vốn đối ứng cho dự án theo Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể, để dự án đẩy nhanh tiến độ.

- Đề nghị hội Nông dân tỉnh, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tiếp tục phối hợp với BQLDA tỉnh, phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT, trạm Chăn nuôi và Thú y, chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và PTNT các huyện/Tp để tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân tham gia dự án. Thường xuyên thông kê tình hình đăng ký xây dựng lắp đặt, chuyển cho Ban QLDA tỉnh, Công ty cung ứng để thực hiện kịp thời.

- Đề nghị phòng Nông nghiệp/Kinh tế, trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện/thành phố:

+ Tham mưu cho UBND huyện văn bản chỉ đạo cho các xã thực hiện đẩy nhanh tiến độ dự án;

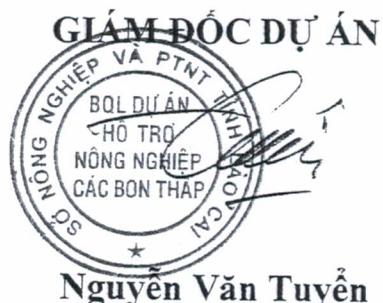
+ Kết hợp tuyên truyền vận động các hộ chăn nuôi tham gia dự án;

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho kỹ thuật viên đi nghiệm thu hầm bê tông xây dựng/lắp đặt để sớm giải ngân cho các hộ tham gia;

- Đề nghị các KTV sớm hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu đối với các hộ đã xây dựng/lắp đặt xong CTKSH, tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia dự án.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Giám đốc Sở (B/cáo);
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế các huyện, TP;
- Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, TP;
- Lưu: BQLDA.



**Nguyễn Văn Tuyển**

**Phu lục 1:** Bảng tổng hợp kết quả tham quan, hội thảo,  
tập huấn về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi Quý I năm 2016

Nội dung	Số lượng (cuộc/lớp)	Số ngày (/cuộc/lớp)	Số người tham gia				
			T. Số	Nữ		DTTS	
				SL	%	SL	%
Tập huấn cho nông dân về vận hành công trình khí sinh học và quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	02	01	65	10	15,38	10	15,38
<b>Tổng số</b>	<b>02</b>	<b>01</b>	<b>65</b>	<b>10</b>	<b>15,38</b>	<b>10</b>	<b>15,38</b>

**Phu lục 2:** Kết quả xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học  
Quý I năm 2016

Nội dung	Số hộ đăng ký xây/ lắp công trình	Số công trình đã xây/lắp đặt	Quy mô công trình	Lũy kế thực hiện
KT1	9	7	Nhỏ	53
KT2	-	-	Nhỏ	9
Composite	182	114	Nhỏ	1355
<b>Tổng số</b>	<b>191</b>	<b>121</b>	<b>Nhỏ</b>	<b>1417</b>

**Phu lục 3:** Bảng tổng hợp kết quả hội thảo, tập huấn  
về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon tháp Quý I năm 2016

Nội dung	Số lượng (cuộc/lớp)	Số ngày (/cuộc/lớp)	Số người tham gia				
			T. Số	Nữ		DTTS	
				SL	%	SL	%
<b>Tổng số</b>							



**BỘ LƯU ĐÀN  
HỖ TRỢ TÀI CHÍNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016**

NÔNG NGHIỆP  
CÁC BỘ MẠNG  
Đào tạo số: 06 /BC\_LCASP06 ngày 01 tháng 04 năm 2016)

Số TT	Nội dung	Kế hoạch tổng thể điều chỉnh				Giải ngân quý 1-2016 trong đó	Tổng số (VNĐ)	Thực hiện quý 1-2016 trong đó
		Tổng số (VNĐ)	ADB	CPVN	Tổng số (VNĐ)			
		30.681.700.000	26.689.700.000	3.992.000.000	330.782.996	330.782.996	330.782.996	330.782.996
1	<b>Hợp phần 1 : Quản lý chất thải chăn nuôi</b>	13.674.000.000	13.545.000.000	129.000.000	78.384.400	-	78.384.400	78.384.400
	<b>Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển thị trường các bon</b>	3.397.000.000	3.268.000.000	129.000.000	25.290.000	-	25.290.000	25.290.000
1.1	<b>Hoạt động 1</b> Tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và các bên liên quan khác về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	645.000.000	645.000.000	-	-	-	-	-
1.1.1		645.000.000	645.000.000	-	-	-	-	-
1.2	<b>Hoạt động 2</b> Thông tin, tuyên truyền về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi, (Hội thảo tập huấn phổ biến thế chế chính sách, lợi ích công trình KSH..., xây dựng chương trình phát triển phương tiện thông tin đại chúng, in đĩa và in trên các sản phẩm tuyên truyền, viết tin, tờ rơi, áp phích,...)	2.752.000.000	2.623.000.000	129.000.000	25.290.000	25.290.000	25.290.000	25.290.000
1.2.1		1.849.000.000	1.720.000.000	129.000.000	-	-	-	-
1.2.2	Hội thảo lựa chọn tiêu chí và các hộ chăn nuôi tiềm năng sẽ xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, vừa và lớn.	43.000.000	43.000.000	-	-	-	-	-
1.2.3	Tập huấn vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo môi trường trong chăn nuôi.	860.000.000	860.000.000	-	25.290.000	25.290.000	25.290.000	25.290.000
	<b>Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học</b>	10.277.000.000	10.277.000.000	-	53.094.400	53.094.400	53.094.400	53.094.400
1.7	<b>Hoạt động 7</b>	1.354.500.000	1.354.500.000	-	53.094.400	53.094.400	53.094.400	53.094.400

C

C



Số TT	Nội dung	Kế hoạch tổng thể đầu tư			Giải ngân quý 1-2016	
		Tổng số	Tổng số trong đó	Tổng số	Tổng số trong đó	
1.7.1	Chi phí cho kỹ thuật viên, kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ nông dân xây/lắp đặt công trình khí sinh học (Khảo sát, thiết kế, giám sát chất lượng, nghiệm thu công trình, hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học)	1.075.000.000	1.075.000.000	-	-	
1.7.2	Kiểm tra, giám sát công trình khí sinh học đang vận hành nhằm đảm bảo về môi trường (Chi phí công tác phí...) và điều tra thu thập cơ sở dữ liệu	279.500.000	279.500.000	53.094.400	53.094.400	
1.8	<b>Hoạt động 8</b> Tập huấn thợ xây/lắp đặt, Kỹ thuật viên.	<b>322.500.000</b>	<b>322.500.000</b>	<b>322.500.000</b>	<b>322.500.000</b>	
1.8.1						
1.9	<b>Hoạt động 9</b>	<b>8.600.000.000</b>	<b>8.600.000.000</b>	<b>8.600.000.000</b>	<b>8.600.000.000</b>	
1.9.1	Hỗ trợ tài chính trực tiếp xây các công trình khí sinh học và cải thiện môi trường chăn nuôi (công trình nhỏ mỗi công trình 3 triệu VND, công trình cỡ vừa mỗi công trình 10 triệu VND, công trình cỡ lớn mỗi công trình 20 triệu VND)	8.600.000.000	8.600.000.000	-	-	
III	<b>Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon tháp</b>	<b>8.844.700.000</b>	<b>8.844.700.000</b>	<b>75.595.000</b>	<b>75.595.000</b>	
III.2	<b>Tiểu hợp phần 3.1. Thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon tháp</b>	<b>554.700.000</b>	<b>554.700.000</b>	<b>75.595.000</b>	<b>75.595.000</b>	
III.2.1	Thông tin, tuyên truyền về sản xuất NN các bon tháp (Xây dựng chương trình phát trên phương tiện thông tin đại chúng, in đĩa in碟 và in trên các sản phẩm tuyên truyền, viết tin, tờ rơi,...)	232.200.000	232.200.000	-	-	
III.3	<b>Hoạt động 3</b>	<b>322.500.000</b>	<b>322.500.000</b>	<b>322.500.000</b>	<b>322.500.000</b>	



Số TT	Nội dung	Kế hoạch tổng thể			Giải ngân quý 1-2016 trong đó	Tổng số Thực hiện quý 1-2016 trong đó
		Tổng số	Tổng số	Tổng số		
III.1	Tổ chức các chuyên thăm quan trong nước học tập trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công nghệ khí sinh học, quản lý chất thái chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp các bon thấp	322.500.000	322.500.000	-	-	-
III.2	<b>Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp</b>	8.290.000.000	8.290.000.000	-	75.595.000	75.595.000
III.6	<b>Hoạt động 6</b> Hội thảo xác định nhu cầu xây dựng, lựa chọn mô hình trình diễn và giới thiệu công nghệ đã được nghiên cứu thành công cho nông dân và cán bộ tinh	7.215.000.000	7.215.000.000	-	-	-
III.6.1	Hội thảo xác định nhu cầu xây dựng, lựa chọn mô hình trình diễn và giới thiệu công nghệ đã được nghiên cứu thành công cho nông dân và cán bộ tinh	215.000.000	215.000.000	-	-	-
III.6.2	Kinh phí thực hiện mô hình trình diễn	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
III.7	<b>Hoạt động 7</b> Tập huấn cho nông dân và cán bộ khuyến nông về sản xuất nông nghiệp các bon thấp	1.075.000.000	1.075.000.000	-	75.595.000	75.595.000
III.7.1	Tập huấn cho nông dân và cán bộ khuyến nông về sản xuất nông nghiệp các bon thấp	1.075.000.000	1.075.000.000	-	75.595.000	75.595.000
IV	<b>Hợp phần 4. Quản lý dự án</b>	8.163.000.000	4.300.000.000	3.863.000.000	176.803.596	176.803.596
IV.1	Chi lương và phụ cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh	2.623.000.000	-	2.623.000.000	-	-
IV.2	Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án tỉnh	3.440.000.000	3.225.000.000	215.000.000	176.803.596	176.803.596
IV.3	Dự phòng	2.100.000.000	1.075.000.000	1.025.000.000	-	-



C